

Mẫu CBTT/SGDHCM-02

(Ban hành kèm theo Quyết định số 340/QĐ-SGDHCM ngày 19 tháng 08 năm 2016 của TGD SGDCK TPHCM về Quy chế Công bố thông tin tại SGDCK TPHCM)

TẬP ĐOÀN HÓA CHẤT VIỆT NAM  
CÔNG TY CP PIN ẮC QUY MN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 57 /PA-CBTT

TP.HCM, ngày 20 tháng 10 năm 2021

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ  
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK TP.HCM**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM

- Tên tổ chức: CÔNG TY CP PIN ẮC QUY MIỀN NAM
- Mã chứng khoán: PAC
- Địa chỉ trụ sở chính: 321 Trần Hưng Đạo, P.Cô Giang, Q.1, TP.HCM
- Điện thoại: 028.39203062
- Fax: 028.39203060
- Người thực hiện công bố thông tin: Nguyễn Duy Hưng  
Chức vụ: Kế toán trưởng

Loại thông tin công bố :  định kỳ  bất thường  24h  theo yêu cầu

**Nội dung thông tin công bố:**

Công ty Cổ phần Pin Ắc quy Miền Nam công bố Báo cáo tài chính quý 3 năm 2021. Báo cáo tài chính này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 20/10/2021 tại đường dẫn: [www.pinaco.com.vn](http://www.pinaco.com.vn).

Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:  
- BCTC Q3-2021

Đại diện tổ chức  
Người đại diện theo pháp luật/Người UQ CBTT  
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



LÊ VĂN NĂM

**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**

Báo cáo tài chính giữa niên độ  
kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2021

**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**  
**Thông tin về Công ty**

**Giấy Chứng nhận  
Đăng ký Kinh doanh số**

4103002690

ngày 23 tháng 9 năm 2004

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300405462 (điều chỉnh lần thứ 17) ngày 30 tháng 1 năm 2020. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

**Hội đồng Quản trị**

Ông Lê Hoàng

Chủ tịch

Ông Trần Thanh Văn

Thành viên

Ông Lê Văn Năm

Thành viên

Ông Nguyễn Văn Chung

Thành viên

Ông Shinichiro Ota

Thành viên

**Ban Kiểm soát**

Bà Nguyễn Thị Ngọc Ánh

Trưởng Ban Kiểm soát

Bà Trần Thị Kiều Ly

Thành viên

Bà Vũ Thị Mai Nhung

Thành viên

**Ban Giám đốc**

Ông Lê Văn Năm

Tổng Giám đốc

Ông Đào Ngọc Minh Tiến

Phó Tổng Giám đốc Kinh doanh

Ông Nguyễn Điền Phước Chân

Phó Tổng Giám đốc Kỹ thuật-Sản xuất  
(từ ngày 12 tháng 01 năm 2021)

**Trụ sở đăng ký**

321 Trần Hưng Đạo  
Phường Cô Giang, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh  
Việt Nam

**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 09 năm 2021**

**Mẫu B 01 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>30/09/2021 VND</b>	<b>01/01/2021 VND</b>
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b> (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	<b>100</b>		<b>1.932.313.266.965</b>	<b>1.728.172.294.801</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>73.467.497.045</b>	<b>149.345.138.970</b>
Tiền	111		73.467.497.045	149.345.138.970
Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>699.800.000.000</b>	<b>673.414.528.953</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5	699.800.000.000	673.414.528.953
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>259.934.319.836</b>	<b>165.494.131.114</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	161.645.732.041	63.162.858.180
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	55.182.795.727	59.094.539.985
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	43.854.627.256	44.617.391.415
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(749.026.002)	(1.436.551.094)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		190.814	55.892.628
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>10</b>	<b>845.288.239.036</b>	<b>690.614.750.197</b>
Hàng tồn kho	141		847.311.115.005	693.487.597.550
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.022.875.969)	(2.872.847.353)
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>53.823.211.048</b>	<b>49.303.745.567</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		5.685.519.129	6.815.924.928
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	19(b)	48.137.691.919	42.487.820.639

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*

**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 09 năm 2021 (tiếp theo)**  
**Mẫu B 01 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>30/09/2021 VND</b>	<b>01/01/2021 VND</b>
<b>Tài sản dài hạn</b> <b>(200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)</b>	<b>200</b>		<b>668.076.512.831</b>	<b>672.057.395.120</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>4.143.050.160</b>	<b>3.199.200.000</b>
Phải thu dài hạn khác	216		4.143.050.160	3.199.200.000
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>531.854.303.291</b>	<b>544.845.481.717</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	11	303.181.217.868	324.003.084.661
Nguyên giá	222		1.110.308.051.861	1.081.563.315.394
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(807.126.833.993)	(757.560.230.733)
Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	224	12	18.100.651.425	5.069.570.731
Nguyên giá	225		20.168.098.671	5.245.962.075
Giá trị hao mòn lũy kế	226		(2.067.447.246)	(176.391.344)
Tài sản cố định vô hình	227	13	210.572.433.998	215.772.826.325
Nguyên giá	228		263.190.870.706	263.190.870.706
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(52.618.436.708)	(47.418.044.381)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>52.986.542.493</b>	<b>40.255.912.553</b>
Xây dựng cơ bản dở dang	242	14	52.986.542.493	40.255.912.553
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>32.500.000.000</b>	<b>32.500.000.000</b>
Đầu tư vào công ty liên kết	252	15	32.500.000.000	32.500.000.000
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>46.592.616.887</b>	<b>51.256.800.850</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	16	10.241.959.659	17.029.953.711
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	17	3.608.603.070	3.750.859.690
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	10	32.742.054.158	30.475.987.449
<b>TỔNG TÀI SẢN</b> <b>(270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>2.600.389.779.796</b>	<b>2.400.229.689.921</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 09 năm 2021 (tiếp theo)**  
**Mẫu B 01 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/09/2021 VND	01/01/2021 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>1.801.044.761.751</b>	<b>1.669.933.120.336</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1.744.870.032.730</b>	<b>1.601.462.784.134</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	18	230.298.760.220	136.175.222.516
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		7.877.355.246	83.577.304.793
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	19(a)	14.189.420.701	5.734.481.491
Phải trả người lao động	314		74.948.138.163	93.753.078.426
Chi phí phải trả	315	20	173.030.676.864	32.471.409.855
Phải trả ngắn hạn khác	319	21	7.573.559.114	7.099.417.925
Vay ngắn hạn	320	22(a)	1.204.935.598.585	1.226.100.136.505
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	23	16.730.365.620	10.165.026.008
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	24	15.286.158.217	6.386.706.615
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>56.174.729.021</b>	<b>68.470.336.202</b>
Phải trả dài hạn khác	337		1.409.600.000	420.000.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	22(b)	54.765.129.021	68.050.336.202
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>799.345.018.045</b>	<b>730.296.569.585</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>25</b>	<b>799.345.018.045</b>	<b>730.296.569.585</b>
Vốn cổ phần	411	26	464.717.070.000	464.717.070.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		464.717.070.000	464.717.070.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		1.584.699.224	1.584.699.224
Quỹ đầu tư phát triển	418		224.774.617.112	161.626.946.846
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		108.268.631.709	102.367.853.515
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối kỳ trước	421a		2.422.881.928	256.806.949
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		105.845.749.781	102.111.046.566
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>2.600.389.779.796</b>	<b>2.400.229.689.921</b>

Ngày 20 tháng 10 năm 2021

Người lập:



Nguyễn Văn Diệp  
Phó phòng Kế toán – Tài chính

Người duyệt:





Nguyễn Duy Hưng  
Kế toán trưởng

Lê Văn Năm  
Tổng Giám đốc

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2021

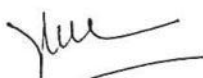
Mẫu B 02 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	TM	Kỳ quý ba kết thúc ngày		Lũy kế từ đầu năm kết thúc ngày	
			30/09/2021 VND	30/09/2020 VND	30/09/2021 VND	30/09/2020 VND
Doanh thu bán hàng	01	29	649.209.794.287	875.115.071.333	2.577.115.522.733	2.632.720.511.080
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	29	88.274.770.361	137.808.308.161	381.788.228.911	389.956.690.836
<b>Doanh thu thuần về bán hàng (10 = 01 - 02)</b>	<b>10</b>	<b>29</b>	<b>560.935.023.926</b>	<b>737.306.763.172</b>	<b>2.195.327.293.822</b>	<b>2.242.763.820.244</b>
Giá vốn hàng bán	11	30	478.787.793.328	612.024.530.629	1.869.640.618.262	1.933.194.696.679
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>82.147.230.598</b>	<b>125.282.232.543</b>	<b>325.686.675.560</b>	<b>309.569.123.565</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	31	21.631.204.440	12.041.797.308	55.729.228.913	41.629.619.881
Chi phí tài chính	22	32	14.465.000.984	13.739.885.100	41.529.634.345	55.857.262.983
<i>Trong đó:</i> <i>Chi phí lãi vay</i>	23		<i>10.913.759.890</i>	<i>12.992.268.125</i>	<i>36.014.624.036</i>	<i>48.164.104.779</i>
Chi phí bán hàng	25	33	48.309.341.451	54.250.429.531	166.229.851.189	127.188.178.198
Chi phí quản lý DN	26	34	10.487.096.808	11.042.309.392	36.757.248.403	34.698.128.932
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}</b>	<b>30</b>		<b>30.516.995.795</b>	<b>58.291.405.828</b>	<b>136.899.170.536</b>	<b>133.455.173.333</b>
Thu nhập khác	31		29.677	71.123.294	547.273.659	198.594.236
Chi phí khác	32		2.584.204	-	42.584.204	78.244.126
<b>Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>(2.554.527)</b>	<b>71.123.294</b>	<b>504.689.455</b>	<b>120.350.110</b>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>30.514.441.268</b>	<b>58.362.529.122</b>	<b>137.403.859.991</b>	<b>133.575.523.443</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	36	6.107.870.650	11.095.511.324	31.415.853.590	29.220.267.478
Lợi ích)/chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	36	-	603.183.261	142.256.620	499.830.839
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)</b>	<b>60</b>		<b>24.406.570.618</b>	<b>46.663.834.537</b>	<b>105.845.749.781</b>	<b>103.855.425.126</b>
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	<b>37</b>	<b>473</b>	<b>903</b>	<b>2.050</b>	<b>2.011</b>

Ngày 20 tháng 10 năm 2021

Người lập:



Nguyễn Văn Diệp  
Phó phòng Kế toán – Tài chính

Người duyệt:





Nguyễn Duy Hưng  
Kế toán trưởng

Lê Văn Năm  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2021**  
**(Phương pháp gián tiếp)**  
**Mẫu B 03 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã Thuyết số minh	Kỳ 9 <sup>th</sup> kết thúc ngày	
		30/09/2021 VND	30/09/2020 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>137.403.859.991</b>	<b>133.575.523.443</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>			
Khấu hao và phân bổ	02	61.769.153.578	61.381.517.029
Các khoản dự phòng	03	5.027.843.136	(1.635.308.281)
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(3.360.483.814)	149.814.455
Thu nhập từ tiền lãi	05	(44.901.409.306)	(37.445.378.933)
Chi phí lãi vay	06	36.014.624.036	48.164.104.779
Các khoản điều chỉnh khác	07	-	(2.859.047.886)
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>191.953.587.621</b>	<b>201.331.224.606</b>
Biến động các khoản phải thu	09	(107.155.928.033)	(170.791.263.344)
Biến động hàng tồn kho	10	(156.089.584.164)	171.033.838.500
Biến động các khoản phải trả	11	118.882.830.268	(19.691.947.679)
Biến động chi phí trả trước	12	7.918.399.851	2.041.240.566
Tiền lãi vay đã trả	14	(34.219.903.752)	(48.164.104.779)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(23.079.743.923)	(25.917.158.283)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(4.661.996.219)	(5.839.399.420)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(6.452.338.351)</b>	<b>104.002.430.167</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
Tiền chi mua sắm tài sản cố định	21	(33.415.218.833)	(72.180.610.098)
Tiền chi gửi ngân hàng có kỳ hạn	23	(140.000.000.000)	(347.524.107.154)
Tiền thu hồi các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	24	142.500.000.000	454.620.608.504
Tiền thu lãi tiền gửi	27	17.388.495.545	29.122.260.392
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(13.526.723.288)</b>	<b>64.038.151.644</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*



Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam  
 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2021  
 (Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)  
 Mẫu B 03 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ 9 <sup>th</sup> kết thúc ngày	
			30/09/2021 VND	30/09/2020 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
Tiền thu từ đi vay	33		1.990.109.523.561	2.124.142.838.235
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(2.022.581.983.261)	(2.382.849.054.989)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(23.235.381.825)	(23.235.381.825)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(55.707.841.525)</b>	<b>(281.941.598.579)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>(75.686.903.164)</b>	<b>(113.901.016.768)</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60		149.345.138.970	186.481.253.593
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61		(190.738.761)	(479.976.770)
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)</b>	<b>70</b>	<b>4</b>	<b>73.467.497.045</b>	<b>72.100.260.055</b>

Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư

	30/09/2021 VND	01/01/2021 VND
Mua sắm tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác nhưng chưa thanh toán	56.404.693.507	33.422.409.337

Ngày 20 tháng 10 năm 2021

Người lập:



Nguyễn Văn Diệp  
 Phó phòng Kế toán – Tài chính

Người duyệt:





Nguyễn Duy Hưng  
 Kế toán trưởng

Lê Văn Năm  
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

## **Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

#### **1. Đơn vị báo cáo**

##### **(a) Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 69/UBCK-GPNY ngày 9 tháng 11 năm 2006 của Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước với mã cổ phiếu là PAC.

##### **(b) Hoạt động chính**

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và phân phối pin và ác quy.

##### **(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

##### **(d) Cấu trúc Công ty**

Tại ngày 01 tháng 01 năm 2021 và ngày 30 tháng 09 năm 2021, Công ty có 1 công ty liên kết như sau:

<b>Công ty</b>	<b>Hoạt động chính</b>	<b>Địa chỉ</b>	<b>Phần trăm lợi ích kinh tế</b>	
			<b>30/09/2021</b>	<b>01/01/2021</b>
Công ty TNHH Đầu tư Kinh doanh Bất động sản Thịnh Phát	Kinh doanh bất động sản, xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng.	752 Hậu Giang, Phường 12, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh	26,0%	26,0%

Tại ngày 01 tháng 01 năm 2021 và ngày 30 tháng 09 năm 2021, Công ty có văn phòng chính tại Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh; 2 chi nhánh tại Hà Nội và Đà Nẵng và 3 xí nghiệp sản xuất ác quy và 1 xí nghiệp sản xuất pin tại Thành phố Hồ Chí Minh và Đồng Nai.

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2021, Công ty có 1.230 nhân viên (31/12/2020: 1.201 nhân viên).

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*

**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2021**  
**(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**  
**Mẫu B 03 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

**(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính được lập theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

**(c) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

**(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

**3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính và các chính sách kế toán này nhất quán với các chính sách dùng lập báo cáo tài chính gần đây.

**(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**(b) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2021**  
**(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**  
**Mẫu B 03 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(c) Các khoản đầu tư**

**(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc của Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư.

**(ii) Đầu tư góp vốn vào công ty liên kết**

Đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**(d) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà khách hàng khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**(e) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*

**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2021**  
**(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**  
**Mẫu B 03 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(f) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- nhà cửa và vật kiến trúc 5 – 25 năm
- máy móc và thiết bị 2 – 12 năm
- phương tiện vận tải 6 – 10 năm
- thiết bị văn phòng 2 – 10 năm
- tài sản khác 4 – 8 năm

**(g) Tài sản cố định vô hình**

**(i) Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 50 năm.

**(ii) Phần mềm vi tính**

Giá mua của phần mềm vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 đến 5 năm.

**(iii) Tài sản khác**

Nguyên giá của tài sản vô hình khác bao gồm giá mua của phí chuyển giao công nghệ và phí tư vấn quản trị nhân sự được vốn hóa và hạch toán là tài sản vô hình. Nguyên giá của tài sản vô hình khác được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 đến 5 năm.

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*

**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2021**  
**(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**  
**Mẫu B 03 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(h) Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho xây dựng và máy móc chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

**(i) Chi phí trả trước dài hạn**

**(i) Công cụ và dụng cụ**

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

**(ii) Chi phí trả trước dài hạn khác**

Chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm chi phí quảng cáo và các chi phí khác phát sinh nhằm phục vụ cho hoạt động bán hàng của Công ty. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng 2 năm.

**(j) Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn**

Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn là thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định được sử dụng cho sản xuất của doanh nghiệp. Trị giá của thiết bị, phụ tùng thay thế dài hạn khi xuất dùng được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

**(k) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác thể hiện theo giá gốc.

**(l) Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả cho nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

**Chi phí bảo hành**

Dự phòng về chi phí bảo hành của Công ty liên quan chủ yếu tới hàng hóa đã bán ra trong kỳ kế toán. Khoản dự phòng được lập dựa trên ước tính xuất phát từ các dữ liệu thống kê lịch sử về trung bình tỷ lệ số lượng sản phẩm bảo hành trên tổng số lượng sản phẩm bán ra qua các kỳ và chi phí bảo hành trung bình cho một/nhóm sản phẩm.

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*

**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2021**  
**(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**  
**Mẫu B 03 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(m) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ báo cáo bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**(n) Quỹ khen thưởng phúc lợi**

Quỹ khen thưởng phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế vào mỗi kỳ theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được dành riêng để chi trả tiền thưởng và các phúc lợi khác cho nhân viên Công ty.

**(o) Vốn cổ phần**

***Cổ phiếu phổ thông***

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá được ghi vào thặng dư vốn cổ phần. Các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

**(p) Quỹ đầu tư và phát triển**

Quỹ đầu tư và phát triển được trích từ lợi nhuận sau thuế vào mỗi kỳ theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được trích lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

**(q) Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Theo ý kiến của Ban Giám đốc, Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là sản xuất và kinh doanh pin và ắc quy.

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*

**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2021**  
**(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**  
**Mẫu B 03 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(r) Doanh thu và thu nhập khác**

**(i) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại và giảm giá hàng bán. Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu kỳ phát sinh. Các khoản giảm trừ doanh thu đối với sản phẩm, hàng hóa tiêu thụ trong kỳ, phát sinh sau ngày của bảng cân đối kế toán nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo.

**(ii) Thu nhập từ tiền lãi**

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

**(s) Các khoản thanh toán thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

**(t) Chi phí vay**

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*



**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2021**  
**(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**  
**Mẫu B 03 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(u) Lãi trên cổ phiếu**

Công ty trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ. Công ty không có cổ phiếu suy giảm giá trị tiềm ẩn.

Lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty được xác định sau khi trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi.

**(v) Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

**(w) Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của kỳ trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính kỳ hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của kỳ hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ trước.

**4. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>30/09/2021</b>	<b>01/01/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	1.498.563.682	1.283.975.684
Tiền gửi ngân hàng	71.968.933.363	148.061.163.286
	<hr/>	<hr/>
	73.467.497.045	149.345.138.970
	<hr/>	<hr/>

**5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng có thời gian đáo hạn trên ba tháng kể từ ngày giao dịch nhưng dưới một năm từ ngày cuối kỳ và hưởng lãi suất dao động từ 6,75% đến 7,95% (2020: 6,7% đến 8,4%).

**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2021**  
**(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**  
**Mẫu B 03 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

**Phải thu ngắn hạn của khách hàng chi tiết theo các khách hàng lớn**

	<b>30/09/2021</b>	<b>01/01/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Mr. Chea Se	10.025.284.320	11.927.648.312
Công Ty TNHH Ác Quy Vĩnh Phúc	7.859.940.000	8.081.312.800
Rasmi Kachlan Electronics L.L.C	7.298.097.062	-
Công Ty TNHH Mtv Sản Xuất Và Lắp Ráp Xe Tải Thaco	6.587.472.210	4.408.144.400
Faith Chemical Enterprises	5.750.228.399	6.796.258.149
Các khách hàng khác	124.124.710.050	31.949.494.519
	<hr/>	<hr/>
	161.645.732.041	63.162.858.180
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

**7. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	<b>30/09/2021</b>	<b>01/01/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Sorin Corporation Singapore Pte Ltd	19.041.752.290	-
Công ty TNHH Luyện Kim Thăng Long	8.115.900.100	10.058.050.076
Lagardere Sports Asia PTE. Ltd	7.800.810.000	7.800.810.000
Các nhà cung cấp khác	20.224.333.337	41.235.679.909
	<hr/>	<hr/>
	55.182.795.727	59.094.539.985
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

**8. Phải thu ngắn hạn khác**

	<b>30/09/2021</b>	<b>01/01/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Phải thu lãi tiền gửi	25.562.171.234	26.934.728.520
Tạm ứng cho nhân viên	2.330.520.991	2.654.283.210
Phải thu khác	15.961.935.031	15.028.379.685
	<hr/>	<hr/>
	43.854.627.256	44.617.391.415
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*

**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2021**  
**(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**  
**Mẫu B 03 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**9. Dự phòng phải thu khó đòi**

<b>Ngày 30 tháng 09 năm 2021</b>	<b>Quá hạn</b>	<b>Giá gốc VND</b>	<b>Dự phòng VND</b>	<b>Giá trị có thể thu hồi VND</b>
<b><i>Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi:</i></b>				
Faith Chemical Enterprises	Từ 6 tháng đến 1 năm	1.345.225.224	403.567.567	941.657.657
Công Ty Cổ Phần Việt Nam Motors Cần Thơ	Trên 3 năm	114.952.000	114.952.000	-
Các khách hàng khác	Từ 6 tháng trở lên	287.789.447	230.506.435	57.283.012
		<b>1.747.966.671</b>	<b>749.026.002</b>	<b>998.940.669</b>

<b>Ngày 01 tháng 01 năm 2021</b>	<b>Quá hạn</b>	<b>Giá gốc VND</b>	<b>Dự phòng VND</b>	<b>Giá trị có thể thu hồi VND</b>
<b><i>Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi:</i></b>				
Faith Chemical Enterprises	Từ 6 tháng đến 1 năm	2.404.568.597	721.370.579	1.683.198.018
Cty TNHH MTV Sản xuất xe Bus THACO	Từ 6 tháng đến 2 năm	755.561.180	334.562.822	420.998.358
Các khách hàng khác	Từ 6 tháng trở lên	506.339.520	380.617.693	125.721.827
		<b>3.666.469.297</b>	<b>1.436.551.094</b>	<b>2.229.918.203</b>

Biến động trong kỳ của dự phòng phải thu khó đòi như sau:

	<b>Kỳ 9<sup>th</sup> kết thúc ngày</b>	
	<b>30/09/2021 VND</b>	<b>30/09/2020 VND</b>
Số dư đầu kỳ	1.436.551.094	3.883.045.582
Số trích lập trong kỳ	-	394.852.439
Số hoàn nhập trong kỳ	(687.525.092)	(970.545.118)
Số dư cuối kỳ	<b>749.026.002</b>	<b>3.307.352.903</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*

**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2021**  
**(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**  
**Mẫu B 03 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**10. Hàng tồn kho và thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn**

	<b>30/09/2021</b>		<b>01/01/2021</b>	
	<b>Giá gốc VND</b>	<b>Dự phòng VND</b>	<b>Giá gốc VND</b>	<b>Dự phòng VND</b>
Hàng mua đang đi đường	147.864.863.446		88.479.588.489	
Nguyên vật liệu	375.283.428.367		211.678.052.000	
Công cụ và dụng cụ	8.366.991.556		9.315.441.016	
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	143.805.771.109		121.039.769.130	
Thành phẩm	171.796.791.782	(2.022.875.969)	262.430.807.483	(2.872.847.353)
Hàng hóa	193.268.745	-	543.939.432	-
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>847.311.115.005</b>	<b>(2.022.875.969)</b>	<b>693.487.597.550</b>	<b>(2.872.847.353)</b>
<b>Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn</b>	<b>32.742.054.158</b>	<b>-</b>	<b>30.475.987.449</b>	<b>-</b>

Biến động trong kỳ của dự phòng giảm giá của các tài sản trên như sau:

<b>Hàng tồn kho</b>	<b>Kỳ 9<sup>th</sup> kết thúc ngày</b>	
	<b>30/09/2021 VND</b>	<b>30/09/2020 VND</b>
Số dư đầu kỳ	2.872.847.353	6.106.909.839
Số trích lập/ hoàn nhập trong kỳ	(849.971.384)	(5.096.899.359)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>2.022.875.969</b>	<b>1.010.010.480</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*

**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**11. Tài sản cố định hữu hình**

<b>Nguyên giá</b>	<b>Nhà cửa và vật kiến trúc VND</b>	<b>Máy móc và thiết bị VND</b>	<b>Phương tiện vận tải VND</b>	<b>Thiết bị văn phòng VND</b>	<b>Tài sản khác VND</b>	<b>Tổng VND</b>
Số dư đầu kỳ	193.797.303.973	838.621.548.953	32.985.821.285	13.255.063.629	2.903.577.554	1.081.563.315.394
Mua sắm trong kỳ	-	535.767.597	-	46.000.000	-	581.767.597
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 14)	6.959.113.163	24.603.807.796	1.711.150.000	-	-	33.274.070.959
Thanh lý	-	(5.111.102.089)	-	-	-	(5.111.102.089)
Số dư cuối kỳ	200.756.417.136	858.650.022.257	34.696.971.285	13.301.063.629	2.903.577.554	1.110.308.051.861

**Giá trị hao mòn lũy kế**

Số dư đầu kỳ	108.096.656.947	612.502.621.448	23.440.325.802	11.138.025.123	2.382.601.413	757.560.230.733
Khấu hao trong kỳ	8.700.364.033	43.502.168.208	1.933.252.055	419.201.335	122.719.718	54.677.705.349
Thanh lý	-	(5.111.102.089)	-	-	-	(5.111.102.089)
Số dư cuối kỳ	116.797.020.980	650.893.687.567	25.373.577.857	11.557.226.458	2.505.321.131	807.126.833.993

**Giá trị còn lại**

Số dư đầu kỳ	85.700.647.026	226.118.927.505	9.545.495.483	2.117.038.506	520.976.141	324.003.084.661
Số dư cuối kỳ	83.959.396.156	207.756.334.690	9.323.393.428	1.743.837.171	398.256.423	303.181.217.868

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản với nguyên giá là 496.557 triệu VND đã khấu hao hết đến ngày 30 tháng 09 năm 2021 (01/01/2021: 475.188 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2021, tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại là 31.889 triệu VND (01/01/2021: 35.467 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 22).

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*

**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**12. Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính**

	<b>Máy móc và thiết bị VND</b>	<b>Phương tiện vận tải VND</b>	<b>Tổng VND</b>
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu kỳ	4.250.350.930	995.611.145	5.245.962.075
Mua sắm trong kỳ	14.922.136.596	-	14.922.136.596
Số dư cuối kỳ	19.172.487.526	995.611.145	20.168.098.671
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu kỳ	171.291.465	5.099.879	176.391.344
Khấu hao trong kỳ	1.797.973.079	93.082.823	1.891.055.902
Số dư cuối kỳ	1.969.264.544	98.182.702	2.067.447.246
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số dư đầu kỳ	4.079.059.465	990.511.266	5.069.570.731
Số dư cuối kỳ	17.203.222.982	897.428.443	18.100.651.425

Công ty thuê một số thiết bị sản xuất theo các hợp đồng thuê tài chính khác nhau. Đến cuối giai đoạn thuê của từng hợp đồng thuê, Công ty có quyền lựa chọn mua lại những thiết bị này với giá ưu đãi. Thiết bị thuê được dùng để đảm bảo cho nghĩa vụ thanh toán tiền thuê (Thuyết minh 22).

**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2021 (tiếp theo)**  
**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**13. Tài sản cố định vô hình**

	<b>Quyền sử dụng đất VND</b>	<b>Phần mềm vi tính VND</b>	<b>Tài sản khác VND</b>	<b>Tổng VND</b>
<b>Nguyên giá</b>				
Số dư đầu kỳ	247.954.936.198	10.017.155.852	5.218.778.656	263.190.870.706
Chuyển từ XDCB DD	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	247.954.936.198	10.017.155.852	5.218.778.656	263.190.870.706
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Số dư đầu kỳ	33.431.237.983	8.768.027.742	5.218.778.656	47.418.044.381
Khấu hao trong kỳ	4.176.218.929	1.024.173.398	-	5.200.392.327
Số dư cuối kỳ	37.607.456.912	9.792.201.140	5.218.778.656	52.618.436.708
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số dư đầu kỳ	214.523.698.215	1.249.128.110	-	215.772.826.325
Số dư cuối kỳ	210.347.479.286	224.954.712	-	210.572.433.998

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá là 14.815 triệu VND đã khấu hao hết đến ngày 30 tháng 09 năm 2021 (01/01/2021: 10.765 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2021, tài sản vô định vô hình với giá trị còn lại là 16.934 triệu VND (01/01/2021: 17.342 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 22).

**14. Xây dựng cơ bản dở dang**

	<b>Kỳ 9<sup>th</sup> kết thúc ngày</b>	
	<b>30/09/2021 VND</b>	<b>30/09/2020 VND</b>
Số dư đầu kỳ	40.255.912.553	45.524.928.011
Mua sắm trong kỳ	46.004.700.899	38.887.528.814
Chuyển sang tài sản cố định (Thuyết minh 11)	(33.274.070.959)	(29.462.322.486)
Chuyển sang chi phí trả trước	-	(5.018.851.011)
Số dư cuối kỳ	52.986.542.493	49.931.283.328

**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2021 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	<b>30/09/2021</b>	<b>01/01/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Máy móc và thiết bị	46.297.381.037	33.387.093.697
Công trình xây dựng	6.689.161.456	6.868.818.856
	52.986.542.493	40.255.912.553

**15. Đầu tư vào công ty liên kết**

	<b>30/09/2021</b>		<b>01/01/2021</b>	
	<b>% vốn chủ sở hữu</b>	<b>Giá gốc VND</b>	<b>% vốn chủ sở hữu</b>	<b>Giá gốc VND</b>
Công ty TNHH Đầu tư Kinh doanh Bất động sản Thịnh Phát	26,0%	32.500.000.000	26,0%	32.500.000.000

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có thông tin về giá thị trường của các khoản đầu tư góp vốn và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

**16. Chi phí trả trước dài hạn**

	<b>Công cụ và dụng cụ VND</b>	<b>Chi phí trả trước dài hạn khác VND</b>	<b>Tổng VND</b>
Số dư đầu kỳ	4.556.063.225	12.473.890.486	17.029.953.711
Mua sắm trong kỳ	1.384.515.924	1.004.225.269	2.388.741.193
Phân bổ trong kỳ	(2.429.460.253)	(6.747.274.992)	(9.176.735.245)
Số dư cuối kỳ	3.511.118.896	6.730.840.763	10.241.959.659

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*



**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2021 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***17. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

	<b>Thuế suất</b>	<b>30/09/2021 VND</b>	<b>01/01/2021 VND</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	20%	404.575.194	574.569.471
Dự phòng bảo hành	20%	2.346.073.125	2.033.005.202
Chi phí phải trả	20%	792.014.588	972.273.869
Chênh lệch tỷ giá	20%	65.940.163	171.011.148
		<b>3.608.603.070</b>	<b>3.750.859.690</b>

**18. Phải trả người bán ngắn hạn****(a) Phải trả người bán ngắn hạn chi tiết theo nhà cung cấp lớn**

	<b>30/09/2021 Giá gốc/số có khả năng trả nợ VND</b>	<b>01/01/2021 Giá gốc/số có khả năng trả nợ VND</b>
Trafigura PTE LTD	138.271.972.975	28.653.346.901
Công ty TNHH Thye Ming Việt Nam	9.453.561.520	7.772.635.180
Thai United Industry Company Ltd.	5.718.695.550	16.049.003.107
Các nhà cung cấp khác	76.854.530.175	83.700.237.328
	<b>230.298.760.220</b>	<b>136.175.222.516</b>

**(b) Phải trả người bán ngắn hạn là các bên liên quan**

	<b>30/09/2021 Giá gốc/số có khả năng trả nợ VND</b>	<b>01/01/2021 Giá gốc/số có khả năng trả nợ VND</b>
Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam	418.101.200	2.906.543.200
Công ty Cổ phần Hơi Kỹ Nghệ Que Hàn	31.975.900	8.162.000

Các khoản phải trả cho các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải hoàn trả trong vòng 45 ngày kể từ ngày hóa đơn.

**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2021 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

19. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước và thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	01/01/2021 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số cán trừ trong kỳ VND	Số đã nộp trong kỳ VND	30/09/2021 VND
(a) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước					
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	526.884.352.814	(412.537.032.814)	(114.347.320.000)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.722.305.269	31.415.853.590	-	(23.079.743.923)	16.058.414.936
Thuế thu nhập cá nhân	(413.256.353)	4.017.636.791	-	(4.284.245.199)	(679.864.761)
Phí thuế đất và các loại thuế khác	(1.574.567.425)	5.923.050.542	-	(5.537.612.591)	(1.189.129.474)
	5.734.481.491	568.240.893.737	(412.537.032.814)	(147.248.921.713)	14.189.420.701
(b) Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ					
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	42.487.820.639	420.059.585.658	(412.537.032.814)	(1.872.681.564)	48.137.691.919

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2021 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***20. Chi phí phải trả**

	<b>30/09/2021</b>	<b>01/01/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí chiết khấu, hỗ trợ bán hàng	136.640.647.070	21.092.134.126
Chi phí bảo hiểm, BHLĐ	29.881.310.289	-
Chi phí vận chuyển	3.976.218.955	3.588.793.627
Chi phí lãi vay	1.794.720.284	2.416.071.234
Các khoản chi phí phải trả khác	737.780.266	5.374.410.868
	<hr/>	<hr/>
	173.030.676.864	32.471.409.855

**21. Phải trả ngắn hạn khác**

	<b>30/09/2021</b>	<b>01/01/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Cổ tức	18.973.740	18.502.065
Kinh phí công đoàn và bảo hiểm xã hội	3.447.004.340	1.970.749.740
Các khoản phải trả khác	4.107.581.034	5.110.166.120
	<hr/>	<hr/>
	7.573.559.114	7.099.417.925

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*

**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

22. Vay và nợ thuê tài chính	01/01/2021		Biến động trong kỳ		30/09/2021		
	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Hoàn trả VND	Đánh giá lại chênh lệch tỷ giá VND	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND
(a) Vay ngắn hạn							
Vay bên thứ ba	32.500.000.000	32.500.000.000	-	-	-	32.500.000.000	32.500.000.000
Vay ngân hàng	1.168.110.132.323	1.168.110.132.323	1.982.159.490.625	1.999.852.704.916	(1.977.285.401)	1.148.439.632.631	1.148.439.632.631
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 22(b))	25.490.004.182	25.490.004.182	7.950.032.936	9.444.071.164	-	23.995.965.954	23.995.965.954
	<b>1.226.100.136.505</b>	<b>1.226.100.136.505</b>	<b>1.990.109.523.561</b>	<b>2.009.296.776.080</b>	<b>(1.977.285.401)</b>	<b>1.204.935.598.585</b>	<b>1.204.935.598.585</b>

Vay bên thứ ba thể hiện khoản vay ngắn hạn, không đảm bảo và không chịu lãi suất từ Công ty Cổ phần Thương mại Địa ốc Việt với mục đích góp vốn vào Công ty TNHH Dầu tự Kinh doanh Bất động sản Thịnh Phát.

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*

**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngân hàng ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

<i>Vay ngân hàng không có đảm bảo</i>	Loại tiền	Lãi suất		30/09/2021 VND	01/01/2021 VND
		2021	2020		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam	VND	3,5%-4,0%	4,0%-4,9%	389.920.476.047	354.048.880.358
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam	USD	2,0%-3,25%	2,0%-3,25%	124.488.767.990	156.889.941.054
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam	VND	3,8-4,3%	4,0-4,3%	82.749.721.417	35.142.542.687
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam	USD	3,24%-3,33%	3,24%-3,33%	107.316.699.683	27.930.300.810
Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam)	VND	3,0%	3,7%-4,5%	84.687.075.053	123.570.624.904
Ngân hàng Shinhan Việt Nam	USD	2,1%	3,0%	83.010.038.077	45.431.631.728
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu	USD	2,0%-3,2%	2,2%-3,2%	82.162.879.122	121.775.543.308
Ngân hàng Maybank	VND	2,9%-3,0%	3,2%-4,3%	73.165.154.900	82.824.483.597
Ngân hàng Maybank	USD	1,8%-2,0%	-	22.590.952.229	-
Ngân hàng TMCP Phương Đông	USD	2,6%	-	51.401.911.825	-
Ngân hàng Siam Bank VN	VND	3,0%	3,0%-4,15%	26.188.101.424	23.693.923.593
Ngân hàng Siam Bank VN	USD	-	2,0%	-	68.813.821.745
Ngân hàng TMCP Quân Đội	USD	2,0%	4,0%	20.757.854.864	91.776.494.431
Ngân hàng TMCP Quân Đội	VND	-	4,5%-5,0%	-	36.211.944.108
				<b>1.148.439.632.631</b>	<b>1.168.110.132.323</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*

**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn**

Vay và nợ thuê tài chính dài hạn  
 Vay và nợ thuê tài chính đến hạn trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh 22(a))

Vay và nợ thuê tài chính đến hạn trả sau 12 tháng

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn hiện còn số dư như sau:

	30/09/2021 VND	01/01/2021 VND	Lãi suất	
			2021	2020
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam (i)	VND	8,5%-9,0%	VND	8,5%-9,6%
Công ty TNHH MTV Cho Thuê Tài Chính Vietcombank (ii)	VND	7,7%-8,1%	VND	9,0%
	78.761.094.975	93.540.340.384 (23.995.965.954)	64.505.000.000	80.900.475.150
	54.765.129.021	68.050.336.202	14.256.094.975	12.639.865.234
			78.761.094.975	93.540.340.384

(i) Các khoản vay dài hạn từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 21 tờ bản đồ 67 xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai. Các tài sản này được ghi nhận ở tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình với giá trị ghi sổ lần lượt là 31.889 triệu VND và 16.934 triệu VND (01/01/2021: 35.467 triệu VND và 17.342 triệu VND) (Thuyết minh 11 và Thuyết minh 13).

(ii) Các khoản nợ thuê tài chính từ Công ty TNHH MTV Cho Thuê Tài Chính Vietcombank không có đảm bảo. Nợ gốc và lãi sẽ được thanh toán theo chu kỳ hàng tháng theo lịch trả nợ. Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê tài chính không thể hủy ngang như sau:

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*

**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	30/09/2021		01/01/2021	
	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính VND	Tiền lãi thuê VND	Nợ gốc VND	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính VND
Trong vòng một năm	5.446.259.345	950.293.391	4.495.965.954	4.549.891.481
Trong vòng hai đến năm năm	10.770.699.694	1.010.570.673	9.760.129.021	10.112.749.319
	16.216.959.039	1.960.864.064	14.256.094.975	14.662.640.800
				2.022.775.566
				12.639.865.234

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*

**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**23. Dự phòng phải trả ngắn hạn**

Biến động của khoản dự phòng bảo hành trong kỳ như sau:

	Kỳ 9 <sup>th</sup> kết thúc ngày	
	30/09/2021	30/09/2020
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	10.165.026.008	9.090.947.990
Số tăng/giảm trong kỳ	6.565.339.612	2.500.838.600
Số dư cuối kỳ	16.730.365.620	11.591.786.590

**24. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	Kỳ 9 <sup>th</sup> kết thúc ngày	
	30/09/2021	30/09/2020
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	6.386.706.615	4.746.728.397
Số trích lập trong kỳ	13.561.447.821	17.017.494.643
Số sử dụng trong kỳ	(4.661.996.219)	(5.839.399.420)
Số dư cuối kỳ	15.286.158.217	15.924.823.620



**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**25. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2020</b>	464.717.070.000	1.584.699.224	83.280.322.025	118.856.779.913	668.438.871.162
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	148.582.753.566	148.582.753.566
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	78.346.624.821	(78.346.624.821)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(17.017.494.643)	(17.017.494.643)
Cổ tức bằng tiền (*)	-	-	-	(69.707.560.500)	(69.707.560.500)
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2021</b>	464.717.070.000	1.584.699.224	161.626.946.846	102.367.853.515	730.296.569.585
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	105.845.749.781	105.845.749.781
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	63.147.670.266	(63.147.670.266)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(13.561.447.821)	(13.561.447.821)
Cổ tức bằng tiền (**)	-	-	-	(23.235.853.500)	(23.235.853.500)
<b>Số dư tại ngày 30 tháng 09 năm 2021</b>	464.717.070.000	1.584.699.224	224.774.617.112	108.268.631.709	799.345.018.045

(\*): Năm 2020 công ty trả đã cổ tức đợt 2 năm 2019 là 5%; trả cổ tức đợt 1 năm 2020 là 10%.

(\*\*): 9<sup>th</sup>-năm 2021 công ty trả đã cổ tức đợt 2 năm 2020 là 5%.

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*

**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2021 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***26. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	<b>30/09/2021</b>		<b>01/01/2021</b>	
	<b>Số cổ phiếu</b>	<b>VND</b>	<b>Số cổ phiếu</b>	<b>VND</b>
<b>Vốn cổ phần được duyệt</b>	46.471.707	464.717.070.000	46.471.707	464.717.070.000
<b>Vốn cổ phần đã phát hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	46.471.707	464.717.070.000	46.471.707	464.717.070.000
<b>Số cổ phiếu đang lưu hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	46.471.707	464.717.070.000	46.471.707	464.717.070.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Tại ngày báo cáo, danh sách cổ đông lớn của Công ty như sau:

	<b>30/09/2021</b>		<b>01/01/2021</b>	
	<b>Số cổ phiếu</b>	<b>%</b>	<b>Số cổ phiếu</b>	<b>%</b>
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	23.898.273	51,43%	23.898.273	51,43%
Công ty TNHH Đầu tư Sài Gòn 3 Capital	6.038.220	12,99%	-	-
The Furukawa Battery Co Ltd.,	4.899.708	10,54%	4.899.708	10,54%
Công ty CP Chứng khoán Thành Công	2.643.301	5,69%	-	-
Công đoàn Cty CP Pin Ác quy Miền Nam	2.325.034	5,00%	2.258.634	4,86%
Các cổ đông khác	6.667.171	14,35%	15.415.092	33,17%
	<b>46.471.707</b>	<b>100,00%</b>	<b>46.471.707</b>	<b>100,00%</b>

**27. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán****(a) Tài sản thuê ngoài**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*

**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2021 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>30/09/2021</b> <b>VND</b>	<b>01/01/2021</b> <b>VND</b>
Trong vòng một năm	2.652.424.000	2.130.024.000
Trong vòng hai đến năm năm	3.226.305.139	3.988.983.539
	5.878.729.139	6.119.007.539

**(b) Cam kết chi tiêu vốn**

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2021, Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	<b>30/09/2021</b> <b>VND</b>	<b>01/01/2021</b> <b>VND</b>
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	39.836.026.039	18.765.730.291

**(c) Ngoại tệ các loại**

	<b>30/09/2021</b>		<b>01/01/2021</b>	
	Nguyên tệ	Trương đương VND	Nguyên tệ	Trương đương VND
USD	1.105.897,90	25.059.646.414	2.232.406	51.423.468.524
EUR	272,60	7.087.837	281	7.855.809
		25.066.734.251		51.431.324.333

**28. Báo cáo bộ phận**

Công ty lựa chọn khu vực địa lý là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và lợi ích kinh tế của Công ty tương đối khác biệt theo từng khu vực địa lý.

Khi trình bày thông tin bộ phận theo khu vực địa lý, doanh thu bộ phận dựa vào vị trí địa lý của khách hàng tại Việt Nam (“Trong nước”) hay ở các nước khác ngoài Việt Nam (“Xuất khẩu”). Công ty không lập báo cáo bộ phận cho các chỉ tiêu trên Bảng cân đối kết toán do tài sản cố định được sử dụng chung để sản xuất hàng xuất khẩu và bán trong nước và không đủ cơ sở để chia tách.

**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2021 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Doanh thu dựa vào vị trí địa lý của Công ty như sau:

	<b>Kỳ 9<sup>th</sup> kết thúc ngày</b>	
	<b>30/09/2021</b>	<b>30/09/2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Trong nước	1.690.704.632.533	1.792.006.168.121
Xuất khẩu	504.622.661.289	450.757.652.123
	<hr/>	<hr/>
	2.195.327.293.822	2.242.763.820.244
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

**29. Doanh thu bán hàng**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	<b>Kỳ 9<sup>th</sup> kết thúc ngày</b>	
	<b>30/09/2021</b>	<b>30/09/2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tổng doanh thu	2.577.115.522.733	2.632.720.511.080
	<hr/>	<hr/>
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	381.265.911.544	389.736.735.007
▪ Hàng bán bị trả lại	522.317.367	219.955.829
	<hr/>	<hr/>
	381.788.228.911	389.956.690.836
	<hr/>	<hr/>
Doanh thu thuần	2.195.327.293.822	2.242.763.820.244
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

**30. Giá vốn hàng bán**

	<b>Kỳ 9<sup>th</sup> kết thúc ngày</b>	
	<b>30/09/2021</b>	<b>30/09/2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Pin và ắc quy đã bán	1.859.066.457.647	1.891.611.225.638
Khuyến mãi có điều kiện	11.424.131.999	45.143.925.243
(Hoàn nhập)/trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(849.971.384)	(3.560.454.202)
	<hr/>	<hr/>
	1.869.640.618.262	1.933.194.696.679
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*

**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2021 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***31. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Kỳ 9 <sup>th</sup> kết thúc ngày	
	30/09/2021	30/09/2020
	VND	VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	44.901.409.306	37.445.378.933
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	7.467.335.793	4.184.240.948
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	3.360.483.814	-
	<hr/>	<hr/>
	55.729.228.913	41.629.619.881
	<hr/>	<hr/>

**32. Chi phí tài chính**

	Kỳ 9 <sup>th</sup> kết thúc ngày	
	30/09/2021	30/09/2020
	VND	VND
Chi phí lãi vay	36.014.624.036	48.164.104.779
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.822.953.972	7.543.343.749
Chiết khấu thanh toán	2.692.056.337	149.814.455
	<hr/>	<hr/>
	41.529.634.345	55.857.262.983
	<hr/>	<hr/>

**33. Chi phí bán hàng**

	Kỳ 9 <sup>th</sup> kết thúc ngày	
	30/09/2021	30/09/2020
	VND	VND
Chi phí nhân viên	26.162.418.172	23.727.394.970
Chi phí khấu hao và phân bổ	2.552.383.288	2.414.942.367
Chi phí bảo hành	16.616.684.792	15.881.643.205
Chi phí quảng cáo, khuyến mãi	63.619.976.673	25.103.717.305
Chi phí dịch vụ mua ngoài	40.268.506.161	46.504.601.476
Chi phí bán hàng khác	17.009.882.103	13.555.878.875
	<hr/>	<hr/>
	166.229.851.189	127.188.178.198
	<hr/>	<hr/>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*

**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**34. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>Kỳ 9<sup>th</sup> kết thúc ngày</b>	
	<b>30/09/2021</b>	<b>30/09/2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí nhân viên	18.342.855.305	17.788.715.078
Chi phí khấu hao và phân bổ	625.132.843	836.890.841
(Hoàn nhập)/trích lập dự phòng phải thu khó đòi	(687.525.092)	(575.692.679)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.367.215.195	8.714.745.338
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	8.109.570.152	7.933.370.354
	<hr/>	<hr/>
	36.757.248.403	34.698.028.932
	<hr/>	<hr/>

**35. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố**

	<b>Kỳ 9<sup>th</sup> kết thúc ngày</b>	
	<b>30/09/2021</b>	<b>30/09/2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí nguyên vật liệu	1.453.062.318.219	1.540.702.808.368
Chi phí nhân công và nhân viên	194.183.152.139	197.363.170.590
Chi phí khấu hao và phân bổ	61.769.153.578	61.381.517.029
Chi phí sản xuất và kinh doanh khác	278.787.573.840	252.290.229.072
	<hr/>	<hr/>
	1.987.802.197.776	2.051.737.725.059
	<hr/>	<hr/>

**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2021 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***36. Thuế thu nhập****(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

	Kỳ 9 <sup>th</sup> kết thúc ngày	
	30/09/2021	30/09/2020
	VND	VND
<b>Chi phí thuế hiện hành</b>		
Kỳ hiện hành	27.388.342.434	26.281.327.408
Dự phòng thiếu trong các năm trước	4.027.511.156	2.938.940.070
	<hr/>	<hr/>
	31.415.853.590	29.220.267.478
<b>Chi phí thuế thu nhập hoãn lại</b>		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	142.256.620	499.830.839
	<hr/>	<hr/>
Chi phí thuế thu nhập	31.558.110.210	29.720.098.317

**(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	Kỳ 9 <sup>th</sup> kết thúc ngày	
	30/09/2021	30/09/2020
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	137.403.859.991	133.575.523.443
	<hr/>	<hr/>
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	27.480.771.998	26.715.104.689
Chi phí không được khấu trừ thuế	49.827.056	66.053.559
Dự phòng thiếu trong các năm trước	4.027.511.156	2.938.940.070
	<hr/>	<hr/>
	31.558.110.210	29.720.098.317

**(c) Thuế suất áp dụng**

Theo các điều khoản Luật thuế thu nhập Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2021 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***37. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2021, dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi cho kỳ kế toán báo cáo và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

	Kỳ 9 <sup>th</sup> kết thúc ngày	
	30/09/2021 VND	30/09/2020 VND
Lợi nhuận thuần trong kỳ (VND)	105.845.749.781	103.855.425.126
Số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (*) (VND)	(10.584.574.978)	(10.385.542.513)
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông (VND)	95.261.174.803	93.469.882.613
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông	46.471.707	46.471.707
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	2.050	2.011

(\*) Số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi được tạm tính theo tỉ lệ 10% lợi nhuận sau thuế căn cứ theo mức trích lập được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt.

**38. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính, trong kỳ Công ty có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	Kỳ 9 <sup>th</sup> kết thúc ngày	
	30/09/2021 VND	30/09/2020 VND
<b>Công ty mẹ</b>		
Tập đoàn hóa chất Việt Nam		
Cổ tức được chia	11.949.136.500	11.949.136.500
<b>Cổ đông lớn</b>		
<b>The Furukawa Battery Co Ltd.,</b>		
Phí bản quyền	1.654.962.279	2.879.996.568
Cổ tức được chia	2.449.854.000	2.449.854.000
<b>Công ty liên quan</b>		
<b>Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam</b>		
Mua hàng hóa	6.819.451.989	15.230.960.470
<b>Công ty Cổ phần Hơi Kỹ nghệ Que Hàn</b>		
Mua hàng hóa	232.020.800	300.089.900
<b>Công ty Cổ phần Bột Giặt Lix</b>		
Mua hàng hóa	-	3.168.434.396

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*



**Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**39. Tiền lương, thù lao và phụ cấp**

	Kỳ 9 <sup>th</sup> kết thúc ngày	
	30/09/2021	30/09/2020
	VND	VND
<b>Thù lao Hội đồng Quản trị</b>		
<i>Thù lao và phụ cấp</i>		
Lê Hoàng	173.000.000	49.500.000
Lê Văn Năm	54.000.000	54.000.000
Nguyễn Văn Chung	117.700.000	110.700.000
Phạm Thanh Tùng	-	99.000.000
Trần Thanh Văn	117.700.000	54.000.000
<b>Ban kiểm soát</b>		
<i>Thù lao và phụ cấp</i>		
Trần Thị Kiều Ly	61.200.000	61.200.000
Vũ Thị Mai Nhung	61.200.000	61.200.000
<b>Lương và phụ cấp</b>		
Nguyễn Thị Ngọc Ánh	405.900.000	334.860.000
<b>Ban Giám đốc</b>		
<i>Lương, thưởng và phụ cấp</i>		
Tổng Giám đốc	555.600.000	447.640.000
Các thành viên Ban Giám đốc khác	650.200.000	488.320.000

**40. Số liệu so sánh**

Trừ các trường hợp được thuyết minh khác, thông tin so sánh tại ngày 01 tháng 01 năm 2021 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Ngày 20 tháng 10 năm 2021

Người lập:

Nguyễn Văn Diệp  
Phó phòng Kế toán – Tài chính

Người duyệt:

Nguyễn Duy Hưng  
Kế toán trưởng

Lê Văn Năm  
Tổng Giám đốc